

Số: 153 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý tính đến tháng 5/2021, cụ thể như sau:

I. Kết quả triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP

1. Về xây dựng Kế hoạch

Trong năm 2020 và 2021, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định ban hành kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (*Quyết định số 1018/QĐ-NHNN ngày 28/5/2020* và *Quyết định số 70/QĐ-NHNN ngày 21/01/2021*). Các kế hoạch đã bám sát yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết 68/NQ-CP. Theo đó, trong năm 2021, NHNN vẫn tiếp tục tập trung triển khai cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đáp ứng chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết 68/NQ-CP.

2. Về hoạt động của Tổ công tác

Để đảm bảo triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, NHNN đã thành lập Tổ công tác để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ (*Quyết định số 1310/QĐ-NHNN ngày 24/7/2020*). Tổ công tác của NHNN thường xuyên đôn đốc các đơn vị chức năng triển khai tích cực, hiệu quả các nhiệm vụ được giao đảm bảo yêu cầu về tiến độ và chất lượng của chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN.

3. Về kết quả thống kê, rà soát, cập nhật dữ liệu các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên phần mềm Nghị quyết 68/NQ-CP

NHNN đã tích cực, chủ động trong việc thống kê, rà soát, tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên phần mềm theo đúng hướng dẫn và tiến độ yêu cầu của Văn phòng Chính phủ. Về kết quả triển khai, tính đến ngày 15/5/2021, NHNN đã hoàn thành việc thống kê, rà soát và tính chi phí tuân thủ của **163** yêu cầu điều kiện (YCDK), **312** thủ tục hành chính (TTHC) và **70** chế độ báo cáo trên hệ thống phần mềm triển khai Nghị Quyết 68/NQ-CP đảm bảo đúng thời hạn và tiến độ. Trên cơ sở đó đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định không hợp lý nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong các giao dịch hành chính với NHNN, cụ thể như sau:

3.1.Thủ tục hành chính

3.1.1.Số lượng thủ tục hành chính dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa

- Số lượng TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh được rà soát: **312** thủ tục.

- Số lượng TTHC dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa: 15/312 (đạt 4,8%) cụ thể như sau:

+ Ngành nghề cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng: 3/4, chiếm 75%

+ Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại: 9/82, chiếm 10,9%

+ Ngành nghề cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: 3/3, chiếm 100%

3.1.2.Chi phí tuân thủ TTHC dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Tổng CPTT dự kiến tiết kiệm: **1.959.934.765** đồng, trong đó dự kiến:

+ Ngành nghề cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng: chi phí tuân thủ tiết kiệm 9.824.875 đồng, chiếm 0,2% trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC năm 2019 đã được thống kê trên phần mềm.

+ Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại: chi phí tuân thủ tiết kiệm 1.831.272.640 đồng, chiếm 37,6% trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC năm 2019 đã được thống kê trên phần mềm.

+ Ngành nghề cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: chi phí tuân thủ tiết kiệm 118.837.250 đồng, chiếm 2,4 % trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC năm 2019 đã được thống kê trên phần mềm.

3.2. Điều kiện kinh doanh

3.2.1. Số lượng điều kiện kinh doanh dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa:

- Số lượng điều kiện kinh doanh được rà soát: 163 điều kiện kinh doanh

- Số lượng điều kiện kinh doanh dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa trong ngành nghề cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng: 7/7.

3.2.2. Chi phí tuân thủ điều kiện kinh doanh dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa: 1.683.376 đồng

4. Tổng hợp chung kết quả dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN tính đến tháng 5/2021 theo Phương án như sau

4.1. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh:

- Về tổng số quy định liên quan đến HĐKD dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa: 22 quy định (**chiếm 4%**) trên tổng số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, trong đó dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Số quy định TTHC: 15 quy định, chiếm tỉ lệ 2,8% trên tổng số quy định.

+ Số quy định YCĐK : 07 quy định, chiếm tỉ lệ 1,2% trên tổng số quy định.

+ Số quy định chế độ báo cáo: 0 quy định, chiếm tỉ lệ 0% trên tổng số quy định.

- Về tổng CPTT quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tiết kiệm: 1.961.573.141 đồng, **chiếm tỉ lệ 27,2%** trên tổng số CPTT các quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước, trong đó:

+ CPTT quy định TTHC tiết kiệm: 1.959.934.765 đồng, chiếm tỉ lệ 27 % trên tổng CPTT.

+ CPTT quy định YCĐK tiết kiệm: 1.683.376 đồng, chiếm tỉ lệ 0,2% trên tổng CPTT.

+ CPTT quy định Chế độ báo cáo tiết kiệm: 0 đồng, chiếm tỉ lệ 0% trên tổng CPTT.

4.2. Tổng số văn bản có quy định liên quan đến HĐKD được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ: 05 văn bản, trong đó:

- Số Nghị định: 02 dự thảo.

- Số Thông tư: 03 văn bản.

Hiện nay các phương án đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được NHNN tiếp thu và thực thi tại 02 dự thảo Nghị định đã được trình Chính phủ phê duyệt và 03 Thông tư đã được Thủ trưởng NHNN ký ban hành¹.

(*Cụ thể theo phụ lục đính kèm*)

II. Tình hình rà soát, lập kế hoạch xây dựng VBQPPL để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến HĐKD

1. Về kết quả rà soát

Tính đến tháng 5/2021, Ngân hàng Nhà nước đang triển khai xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật có sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh như:

- + Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;
- + Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại và chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;
- + Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2021/TT-NHN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;
- + Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thủ trưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các dự thảo thông tư nêu trên sẽ được cập nhật, thống kê đầy đủ tại mục *Thông kê, rà soát các quy định DỰ KIẾN ban hành liên quan đến hoạt động kinh doanh trên phần mềm hệ thống* sau khi các đơn vị soạn thảo hoàn chỉnh dự thảo, đánh giá tác động các quy định về TTHC.

Dự kiến, khi các văn bản quy phạm pháp luật trên được ban hành, sẽ cắt giảm, đơn giản hóa hơn 30 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (dự

¹ (i) Nghị định thay thế Nghị định số 10/2010/NĐ-CP về hoạt động thông tin tín dụng; (ii) Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh (iii) Thông tư số 17/2020/TT-NHNN ngày 14 tháng 12 năm 2020; (iv) Thông tư số 10/2020/TT-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2020; (v) Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 03 năm 2021.

kiến bãi bỏ 02 TTHC, sửa đổi bổ sung hơn 20 TTHC, sửa đổi, bổ sung 07 điều kiện kinh doanh). Các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa trong thời gian tới sẽ tập trung vào hỗ trợ, tạo thuận lợi và có tác động tích cực đến hoạt động của doanh nghiệp như các quy định trong lĩnh vực ngoại hối, thành lập và hoạt động ngân hàng...

2. Một số nội dung liên quan trong triển khai Nghị quyết 68/NQ-CP

Triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP, NHNN không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ thống kê, rà soát, đánh giá các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh mà còn rà soát để cải cách toàn diện cả các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của NHNN được giao xây dựng, ban hành theo thẩm quyền. Bên cạnh đó NHNN còn tập trung đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và triển khai cơ chế một cửa theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian, chi phí xã hội và tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

NHNN đang đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hiện NHNN có 61 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong đó 01 dịch vụ thực hiện tại Cổng hải quan một cửa quốc gia. Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang thực hiện đều đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân góp phần thúc đẩy hiệu quả công tác cải cách hành chính.NHNN cũng đang tích cực rà soát, lập danh sách các TTHC đủ điều kiện nâng cấp lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong năm 2021 để xây dựng kế hoạch nâng cấp theo yêu cầu tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

III. Phương hướng nhiệm vụ thời gian tới

- Trong năm 2021, NHNN sẽ tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 5 % số quy định và cắt giảm ít nhất 5% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đồng thời giảm tối đa số lượng văn bản hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của NHNN.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên cơ sở các quy định của pháp luật, đảm bảo không phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đồng bộ, hạn chế các quy định chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

- Cập nhật thường xuyên các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ và có biến động chi phí tuân thủ trên phần mềm thống kê để theo dõi tình hình, kết quả cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về những kết quả đạt được trong việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN tới người dân, doanh nghiệp và toàn thể xã hội.

- Tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ, xử lý những phản ánh và kiến nghị của doanh nghiệp.

V. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, phối hợp và hỗ trợ các bộ, ngành khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị quyết 68/NQ-CP, cụ thể:

- Đối với phần mềm Nghị quyết số 68/NQ-CP:

+ Đề nghị bổ sung thêm tính năng cho phép xóa, thêm mới và sửa tên các ngành nghề kinh doanh.

+ Mục “*Báo cáo thống kê tổng hợp theo ngành nghề kinh doanh của một bộ*” tại phần mềm Nghị quyết số 68/NQ-CP 68 mới chỉ mới thống kê số lượng các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (TTHC, điều kiện kinh doanh, số chế độ báo cáo, tiêu chuẩn kỹ thuật...), tổng chi phí tuân thủ, số lượt giải quyết trong năm theo nhóm nội dung liên quan, nên không trích xuất thông tin chi tiết về chi phí tuân thủ hay số lượt đã giải quyết của 01 TTHC, 01 điều kiện kinh doanh hay 01 chế độ báo cáo cụ thể, gây khó đến quá trình tổng hợp kết quả dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ cập nhật, sửa đổi phần mềm cho phép tra cứu được chi phí tuân thủ, số lượt giải quyết của từng TTHC, điều kiện kinh doanh và chế độ báo cáo.

- Hiện nay, theo yêu cầu của Nghị quyết 68/NQ-CP, hàng năm các bộ ngành phải xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trình Thủ tướng Chính phủ theo 02 đợt (đợt 1 trước ngày 30 tháng 5 và đợt 2 trước ngày 30 tháng 9), tuy nhiên theo ý kiến của NHNN, thời gian trình phương án giữa hai đợt là khá gần, rất khó để các bộ, ngành có thể hoàn thành phương án trình Thủ tướng đúng tiến độ, nguyên nhân do nhiều yếu tố khách quan trong quá trình triển khai. Vì vậy, NHNN đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh thời gian trình Thủ tướng Chính phủ Phương án từ 02 đợt/năm xuống còn 01

đợt/năm nhưng vẫn đáp ứng được tiêu chí cắt giảm, đơn giản hóa trong năm mà Chính phủ đặt ra.

- Hiện, Bộ Tư pháp đang xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính. Để hạn chế việc trùng lắp trong quá trình đánh giá tác động quy định TTHC đồng thời điện tử hóa các biểu mẫu đánh giá tác động, đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung các quy định về việc khai thác, ứng dụng *Hệ thống thông tin quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh* trong việc đánh giá tác động TTHC.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ NHNN;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu VP, VP4.

Dính kèm:

- Phụ lục phương án.

**KT.THÓNG ĐÓC
PHÓ THÓNG ĐÓC**



Đào Minh Tú

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

Mã VSIC: K.064.00.00

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinhdoanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

Ngành nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Quy định về thủ tục hành chính:

1.1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

1.1.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

1.1.1.1. Điều kiện cấp giấy chứng nhận

1.1.1.2. Thành phần hồ sơ

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Bỏ thành phần hồ sơ này.

Lý do: Theo ý kiến góp ý của trong quá trình xây dựng Nghị định.

b) Danh mục và bản thuyết minh cho cơ sở hạ tầng thông tin: Bỏ thành phần hồ sơ này, hướng dẫn cụ thể hơn tại Mẫu số 04/TTTD.

Lý do: Theo ý kiến góp ý của trong quá trình xây dựng Nghị định.

c) Xác nhận của ngân hàng thương mại về số dư tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ; xác nhận của tổ chức định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác; hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán về vốn điều lệ của doanh nghiệp:

Kế thừa, có chỉnh sửa quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 5 Thông tư 16/2010/TT-NHNN thành:

"Tài liệu về mức vốn điều lệ (bản sao) gồm: Văn bản chứng minh tương ứng với hình thức góp vốn: Xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về số dư tài khoản đối với tiền mặt; kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác phù hợp với quy định của Luật Giá, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; hoặc báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất so với thời điểm ghi hồ sơ."

Lý do:

- Nội dung đề nghị tổ chức kiểm toán xác nhận về vốn điều lệ là không phù hợp với Luật kiểm toán độc lập.

- Chính sửa lại từ ngữ để đảm bảo phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan.

d) Lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu số 02/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này; kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành của tổ chức liên quan:

Gộp thành phần hồ sơ tại điểm c(v) và c(vi) khoản 1 Điều 5 Thông tư 16 thành điểm e khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định.

"Bản kê danh sách và lý lịch của từng cá nhân trong đội ngũ quản lý theo mẫu số 06/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này"

Lý do:

- Quy định cụ thể hơn tài liệu chứng minh thời gian làm việc theo ý kiến của các đơn vị trong quá trình tổng kết.

- Văn phòng Chính phủ yêu cầu mẫu hóa những thành phần hồ sơ có thể để hướng dẫn chi tiết hơn cho đối tượng áp dụng.

d) Bổ sung mới văn bản này: Phiếu lý lịch tư pháp : Bổ sung văn bản này vì đã bổ sung thêm điều kiện tại điểm a khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định (Nội dung này đã được Chính phủ chấp thuận), cụ thể:

"Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì công ty thông tin tín dụng phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cá nhân đó không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật Việt Nam;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm công ty thông tin tín dụng nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;"

1.1.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 10/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng

1.1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.090.535 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.970.980 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.119.565 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,7 %.

1.2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc Công ty thông tin tín dụng khai báo mất hoặc bị cháy toàn bộ Giấy chứng nhận của Công ty thông tin tín dụng.

Lý do: Bỏ quy định này để giảm thiểu thủ tục hành chính.

b) Mẫu số 10/TTTD

Lý do: Bổ sung mẫu Văn bản đề nghị để đảm bảo rõ ràng, minh bạch hơn.

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Nghị định thay thế Nghị định số 10/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.598.620 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 64.620 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.530.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 97,3%.

1.3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Chính sửa điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư 16 để đảm bảo từ ngữ ngắn gọn, rõ ràng hơn. Về bản chất nội dung quy định này không thay đổi (điểm c khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định):

"Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với từng điều kiện quy định tại Nghị định này (bản sao)."

b) Các văn bản, giấy tờ khác chứng minh việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có)

Lý do: Theo ý kiến góp ý của trong quá trình xây dựng Nghị định.

c) Bổ sung mẫu đơn, mẫu tờ khaisô 10/TTTD

Lý do: Theo ý kiến góp ý của trong quá trình xây dựng Nghị định để để đảm bảo rõ ràng, minh bạch hơn.

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Nghị định thay thế Nghị định số 10/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,977,550 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.802.240 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 175.310 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.88%.

2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:

2.1.Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Chính sửa điểm b, c khoản 1 Điều 7 Nghị định 10/2010/NĐ-CP như sau:

"1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:

b) Có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia;

c) Có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay;"

Lý do:

- Chính sửa để làm rõ thuật ngữ "phù hợp" theo ý kiến của Bộ Tư pháp.
- Bổ sung cụm từ "đặt tại Việt Nam" tại điểm c khoản 1 theo ý kiến của Bộ Công an.

b) Chính sửa khoản 3 Điều 7 Nghị định 10 như sau:

"3. Có đội ngũ quản lý đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) *Đội ngũ quản lý không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích, đội ngũ quản lý của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 14 Nghị định này);*

b) *Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;*

c) *Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;*

d) *Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;*

d) *Thành viên Ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin."*

Lý do:

- Việc bổ sung điều kiện đối với đội ngũ quản lý:

Hoạt động TTTD là một hoạt động đặc thù, liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân và tổ chức, do đó, cần rà soát, bổ sung quy định về tiêu chuẩn điều kiện đối với người quản lý doanh nghiệp và thành viên Ban kiểm soát tại Nghị định 10, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật các TCTD để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành của đội ngũ quản lý của công ty TTTD.

- Bỏ chuyên ngành tại bằng đại học hoặc trên đại học

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đã giảm điều kiện quy định về chuyên ngành của bằng đại học hoặc trên đại học của đội ngũ quản

lý công ty TTTD nhằm phù hợp hơn với thực tế tại điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định.

c) Chính sửa khoản 4 Điều 7 Nghị định 10/2010/NĐ-CP như sau:

"4. Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng."

Lý do:

Bỏ cụm từ "khả thi" tại khoản 4 Điều 7 Nghị định 10/2010/NĐ-CP để đảm bảo rõ ràng hơn về điều kiện, tuy nhiên vẫn yêu cầu phải có phương án kinh doanh để đáp ứng yêu cầu trong việc thanh tra, giám sát công ty TTTD.

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 7; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.

2.1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.570.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.886,624 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.638.376 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,6 %.

II. Ngành nghề kinh doanh 2: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Mã VSIC: K.064.00.00

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

Ngành nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Quy định về thủ tục hành chính:

1.1. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1.1.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Cắt giảm việc thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy phép hoạt động cung ứng trung gian thanh toán đối 03 dịch vụ: dịch vụ Công thanh toán điện tử; dịch vụ Hỗ trợ thu hộ, chihộ; dịch vụ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử.

Lý do: Trong quá trình rà soát tổng kết các quy định về điều kiện kinh doanh cũng như thẩm định các Hồ sơ xin cấp phép, xét về bản chất dịch vụ cũng như khả năng kiểm soát rủi ro, NHNN dự kiến cắt giảm thủ tục hành

chính đối với 03 dịch vụ nêu trên. Các dịch vụ cắt giảm chỉ cần đáp ứng điều kiện kinh doanh và có hợp đồng hợp tác với ngân hàng nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

1.1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 419.037.625đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa dự kiến: 300.200.375 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 118.837.250đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,36%.

2. 1. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (đối với trường hợp sau: Hết hạn Giấy phép, bị thu hồi Giấy phép; Sửa đổi, bổ sung Giấy phép; Giấy phép bị mất, bị hư hỏng không sử dụng được):

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định cụ thể hơn về các trường hợp xin cấp lại Giấy phép và hướng dẫn chi tiết hơn về thủ tục xin cấp lại Giấy phép.

2.1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, hướng dẫn chi tiết các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính xin cấp lại Giấy phép và hướng dẫn chi tiết hơn thủ tục xin cấp lại Giấy phép tại Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Không thay đổi về chi phí.
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung để hướng dẫn chi tiết các trường hợp cần thực hiện thủ tục xin cấp lại Giấy phép giúp các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT dễ dàng hơn trong việc chuẩn bị hồ sơ, thủ tục xin cấp lại Giấy phép.

3.1. Thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

3.1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Quy định cụ thể hơn về các trường hợp bị thu hồi Giấy phép và quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép.

3.1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, hướng dẫn chi tiết các trường hợp bị thu hồi Giấy phép và quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép tại Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

3.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Không thay đổi về chi phí.

- Thực hiện sửa đổi, bổ sung để hướng dẫn chi tiết hơn đối với các trường hợp bị thu hồi Giấy phép và quy trình, thủ tục thu hồi Giấy phép giúp đơn vị triển khai và các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT dễ dàng triển khai thực hiện.

III. Ngành nghề kinh doanh 3: Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại

Mã VSIC: K000.00.00

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

Ngành nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

1. Quy định về thủ tục hành chính:

1.1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng

1.1.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng

Lý do: Luật Chứng khoán năm 2019 và Thông tư thay thế Thông tư 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không còn quy định về nội dung trên.

1.1.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ

phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

1.1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

1.2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số

1.2.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bổ sung thêm thủ tục bổ sung nghiệp vụ chứng thư số

Lý do: Do nhu cầu thực tế của các đơn vị sử dụng Chứng thư số của NHNN

b) Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Công thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gặp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhằm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,491,518,080 đồng/năm
 - Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 710,856,640 đồng/năm.
 - Chi phí tiết kiệm: 780,661,440 đồng/năm.
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,34%.

1.3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục gia hạn, thay đổi nội dung chứng thư số

1.3.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bổ sung thêm thủ tục thay đổi nội dung chứng thư số

Lý do: Do nhu cầu thực tế của các đơn vị sử dụng Chứng thư số của NHNN

b) Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gấp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhằm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.3.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81,571,680 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67,863,680 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,708,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,80 %.

1.4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục tạm dừng chứng thư số

1.4.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gấp sự cố không thể hoạt động được;

- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhầm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.4.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81,571,680 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67,863,680 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,708,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,80 %.

1.5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục khôi phục chứng thư số

1.5.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Công thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gặp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhầm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.5.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81,571,680 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67,863,680 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,708,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,80 %.

1.6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư số

1.6.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bổ sung thêm thủ tục hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư số

Lý do: Do nhu cầu thực tế của các đơn vị sử dụng Chứng thư số của NHNN

b) Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Công thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gặp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhầm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.6.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,039,292,000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,685,892,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 353,400,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,33 %.

1.7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục thay đổi cắp khóa chứng thư số

1.7.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Công thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục

Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gấp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhầm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.7.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thủ trưởng Ngành hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước

1.7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,631,433,600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,357,273,600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 274,160,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,80 %.

1.8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục thay đổi mã kích hoạt chứng thư số

1.8.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Sửa đổi cách thức thực hiện: yêu cầu các đơn vị gửi hồ sơ bằng Phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống dịch vụ công). Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gấp sự cố không thể hoạt động được;
- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

Lý do: Việc thực hiện gửi nhận hồ sơ và kết quả qua mạng giúp xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch; hạn chế phát sinh giấy tờ, nhầm đơn giản hóa TTHC, cắt giảm chi phí in ấn, bưu điện,...

1.8.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thủ trưởng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

1.8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,631,433,600 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,357,273,600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 274,160,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,80 %.

1.9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép

1.9.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Nâng cấp thủ tục hành chính lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và kết nối Hải quan một cửa. Cụ thể: Sửa đổi Điều 3 Thông tư số 33/2013/TT-NHNN theo hướng các Ngân hàng được phép gửi hồ sơ điện tử qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp hệ thống nhận, xử lý hồ sơ gặp lỗi kỹ thuật, Ngân hàng được phép nộp hồ sơ theo phương thức gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

Lý do: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016-2020.

1.9.2. Kiến nghị thực thi

Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 hướng dẫn thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép: cụ thể sửa Điều 3 Thông tư số 33/2013/TT-NHNN.

1.9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 169.358.400 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 62,395,200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106,963,200 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63,16 %.